

**TAND HUYỆN TU
TỈNH LC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-3- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Lâm
Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông Tòng Văn Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị S, sinh năm: 19xx; Nơi ĐKKHKT: Bản EL, xã MT, huyện TU, tỉnh LC; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lù Văn A, sinh năm: 19xx; Nơi ĐKKHKT: Bản EL, xã MT, huyện TU, tỉnh LC; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lò Thị S trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Lù Văn A sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2010 và đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã MT, huyện TU, tỉnh LC. Do thiếu hiểu biết pháp luật nên chị Sen và anh An không

đăng ký kết hôn theo quy định. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng tám năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lù Văn A thường xuyên sử dụng rượu, bia không chịu tu chí làm ăn, lao động, sản xuất, vun vén kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái. Chị Sen cùng hai bên gia đình nhiều lần động viên, nhắc nhở nhưng không thành dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Từ tháng 6/2022 đến nay chị Sen và anh An không còn chung sống như vợ chồng. Chị Lò Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, không công nhận chị Lò Thị S và anh Lù Văn A là vợ chồng và giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Lò Thị S và anh Lù Văn A có hai con chung chưa thành niên là cháu Lù MT, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Lù NT, sinh ngày 08/01/2017. Ly hôn, chị Sen có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên và không yêu cầu anh An cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Lò Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các biên bản lấy lời khai anh Lù Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù Văn A khẳng định về thời điểm sống chung và không có đăng ký kết hôn như chị Sen trình bày là đúng. Anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng tám năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Sen bỏ nhà đi làm thuê không được sự nhất trí của anh An và có mối quan hệ ngoại tình với người khác nên vợ chồng thường xuyên cãi cọ và đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay. Do còn tình cảm với chị Sen và thương các con còn nhỏ nên anh An không đồng ý ly hôn với chị Sen.

Về nuôi con chung: Anh An công nhận anh và chị Sen có hai con chung như chị Sen trình bày là đúng. Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị Sen. Ly hôn, anh Lù Văn A có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên và không yêu cầu chị Sen cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Lù Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện TU thụ lý vụ án và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT và đại diện hai bên gia đình anh An, chị Sen xác định: Chị Sen, anh An đã sống chung như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, hiện đang sinh sống và đăng ký thường trú tại bản EL, xã MT, huyện TU, tỉnh LC do anh An là chủ hộ. Anh Lù Văn A có nghề nghiệp là trồng trọt,

mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại trên địa bàn xã MT là 3.700.000 đồng/tháng, chị Sen làm công nhân, mức thu nhập trung bình 9.000.000 đồng/tháng. Chị Sen và anh An có hai con chung chưa thành niên là cháu Lù MT, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Lù NT, sinh ngày 08/01/2017. Do các đương sự không thỏa thuận được việc nuôi con sau khi ly hôn nên Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải về tranh chấp nuôi con khi ly hôn nhưng không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Lò Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận chị Sen và anh An là vợ chồng. Anh Lù Văn A không đồng ý ly hôn với chị Lò Thị S. Về nuôi con chung khi ly hôn các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau và yêu cầu Tòa án ghi nhận giao cả hai con chung chưa thành niên cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị S. Không công nhận chị Lò Thị S và anh Lù Văn A là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con khi ly hôn: Giao cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu Lù MT, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Lù NT, sinh ngày 08/01/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp

luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị S xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lù Văn A có hộ khẩu thường trú tại bản EL, xã MT, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định:

Chị Lò Thị S và anh Lù Văn A sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật cùng với phong tục tập quán hôn nhân gia đình lạc hậu nên anh chị vẫn tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và được hai bên gia đình thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ thời điểm đó đến nay anh chị vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Qua xác minh, kiểm tra sổ sách về việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU tại thời điểm anh An, chị Sen sống chung không có thông tin đăng ký kết hôn của anh chị. Việc chị Lò Thị S và anh Lù Văn A sống chung như vợ chồng từ năm 2010 mà không đăng ký kết hôn là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận, vi phạm khoản 1 Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, đến thời điểm hiện tại anh chị vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Mặt khác, trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, các đương sự đưa ra nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do sử dụng

rượu, bia và ngoại tình nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và thực tế anh chị đã không còn sống chung từ tháng 6/2022 đến nay. Do đó, chị Sen có yêu cầu giải quyết ly hôn, yêu cầu Tòa án không công nhận chị Sen và anh An là vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để tuyên bố không công nhận chị Lò Thị S và anh Lò Văn A là vợ chồng.

[3]. Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 186 ngày 15/9/2011 và giấy khai sinh số 05 ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân xã MT, huyện TU và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã MT và nơi cư trú của các đương sự xác định:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Lò Thị S và anh Lò Văn A có hai con chung chưa thành niên là cháu Lò MT, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Lò NT, sinh ngày 08/01/2017.

Xét về điều kiện, Anh Lò Văn A và chị Lò Thị S đều có nơi cư trú tại bản EL, xã MT, huyện TU, tỉnh LC, có nhà ở ổn định; anh An có nghề nghiệp là trồng trọt, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã MT khoảng 3.700.000 đồng/tháng, chị Sen làm công nhân, mức thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng, có các điều kiện như nhau để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Tại phần thủ tục bắt đầu phiên toà, chị Lò Thị S và anh Lò Văn A đã tự nguyện thoả thuận với nhau về việc nuôi con khi ly hôn và yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận: Giao cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu Lò MT, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Lò NT, sinh ngày 08/01/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đã đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lò Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S và anh Lò Văn A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU về quan điểm giải quyết nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 9, Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 39 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm b, c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị S.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lò Thị S và anh Lò Văn A là vợ chồng.
3. Về nuôi con chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về nuôi con khi ly hôn: Giao cho chị Lò Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung chưa thành niên là cháu Lò MT, sinh ngày 09/6/2011 và cháu Lò NT, sinh ngày 08/01/2017 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Anh Lò Văn A có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Lò Thị S theo Quyết định của Tòa án. Chị Lò Thị S có quyền yêu cầu anh Lò Văn A cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lò Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) . Xác nhận chị Lò Thị S đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0000945 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh LC;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- UBND xã MT, huyện TU;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Quàng Thị Phương